

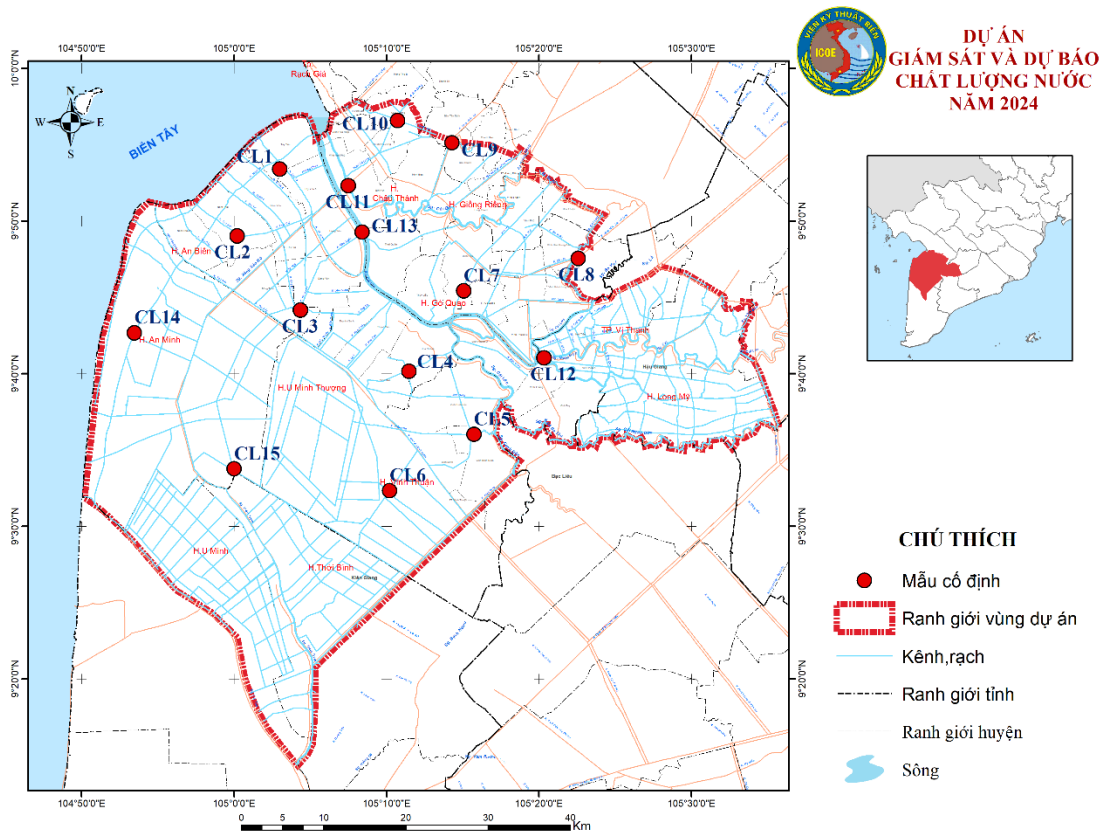
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2024

BẢN TIN TUẦN KỲ 11

“Đợt đo ngày 08/05/2024 dự báo từ ngày 15/05÷21/5/2024”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 08 tháng 05 năm 2024

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2024

Bảng 1: Kết quả đo đặc chất lượng nước tại 15 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/ 100ml		
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1	5,5-9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7500		
	Bảng 2, mức B QCVN08-MT:2023/BTNMT	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
1	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Giã, thuộc xã Tân Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL1	7,06	17,70	8,77	4,86	8,2	15,2	0,098	0,23	0,023	0,14	0,38	8100	69	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu SXNN, độ mặn hiện nay có xu hướng tăng khá cao, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn.
2	Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL2	7,46	32,60	51,34	5,30	7,8	14,2	0,084	0,26	0,001	0,070	1,16	4800	84	Theo WQI CLN đảm bảo tưới tiêu SXNN, trước khi lấy nước cho vào ao tôm cần chú ý xử lý chỉ tiêu TSS. Độ mặn hiện nay có xu hướng tăng khá cao có ngày vượt 30‰, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

3	Điểm lấy mẫu trên kênh Số 1, thuộc xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang- CL3	6,87	20,60	11,90	5,56	12,5	22,4	0,058	0,84	0,019	0,082	1,13	9500	55	Theo WQI CLN khá tốt, đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu SXNN. Cần chú ý theo dõi chỉ tiêu Coliform vượt ngưỡng, cần có biện pháp xử lý khi lấy nước vào các ao nuôi tôm.
4	Điểm lấy mẫu trên kênh Ngang (kênh Sáu Sanh), thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang – CL4	7,18	11,10	48,09	2,64	10,5	18,7	0,020	0,76	0,026	0,062	0,59	7200	65	Theo WQI CLN tốt, đảm bảo cho việc lấy nước tưới tiêu SXNN, cần chú ý chỉ tiêu DO và có biện pháp sục khí trước khi lấy nước cho vào các ao tôm. Năm nay độ mặn có xu hướng cao hơn năm 2023.
5	Điểm lấy mẫu trên kênh Làng Thứ 7 (kênh Lộ Se), thuộc xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang – CL5	7,25	10,10	94,30	2,07	7,5	13,4	0,040	0,41	0,003	0,052	0,99	6400	72	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Một vài chỉ tiêu TSS và DO vượt ngưỡng, nên người dân cần lưu ý trước khi lấy nước cho vào ao nuôi tôm, cá. Độ mặn có xu hướng tăng cao nên cần chú ý theo dõi độ mặn trong vài ngày tới.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

6	Điểm lấy mẫu trên kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2, thuộc xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang- CL6	7,30	26,00	59,15	3,66	12,5	20,4	0,073	0,75	0,014	0,058	0,51	5800	71	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN, cần chú ý theo dõi chỉ tiêu TSS và DO trước khi lấy nước cho vào các ao tôm.
7	Điểm lấy mẫu trên kênh KH5, thuộc xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang – CL7	7,02	4,50	13,70	4,69	10,6	18,7	0,065	0,73	0,051	0,13	0,65	7600	58	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Hiện nay lúa đã thu hoạch xong. Độ mặn hiện nay tăng cao, diễn biến phức tạp nên mọi người cần chú ý theo dõi để có các biện pháp hợp lý và chuẩn bị cho vụ hè thu.
8	Điểm lấy mẫu tại nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn (sông Ba Hò), thuộc xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang – CL8	6,98	0,20	66,25	5,87	14,2	24,2	0,030	0,53	0,021	0,12	1,12	3400	82	Theo WQI CLN ở khu vực này đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN, bảo tồn động vật thủy sinh. Nhiều chỉ tiêu vượt ngưỡng cần xử lý: TSS, DO, BOD5, COD, sắt tổng nên hạn chế tưới cho rau ăn sống. Hiện nay lúa đã thu hoạch xong và người dân đã bắt đầu xuống giống vụ

9	Điểm lấy mẫu trên kênh Chung Bâu, thuộc xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang – CL9	7,18	0,20	74,10	5,58	13,5	23,7	0,050	0,81	0,088	0,036	1,30	5200	65	hề thu. Theo WQI CLN ở khu vực này trung bình, đảm bảo cho mục đích SXNN. Một vài chỉ tiêu cần chú ý và có biện pháp xử lý: TSS, nitrite do gần vị trí lấy mẫu đông dân cư và chợ, đa số người dân sống dọc kênh nên xả thải trực tiếp xuống kênh và 1 phần từ lượng phân bón hóa chất từ SXNN. Hiện nay 1 số khu vực trong huyện đã xuống giống cho vụ Hè thu.
10	Điểm lấy mẫu trên kênh xáng Giồng Riềng, thuộc xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang – CL10	7,07	0,40	50,80	5,16	12,8	20,9	0,068	0,70	0,065	0,072	0,95	7600	58	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Vị trí trên kênh Xáng Giồng Riềng ô nhiễm hữu cơ BOD ₅ , COD, nitrite và coliform khá cao do người dân thường xuyên xả thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng từ lượng phân bón từ SXNN,

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

																bên cạnh đó gần vị trí CL10 có nhà máy chế thủy sản nên 1 phần cũng ảnh hưởng đến CLN.
11	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Bé (tại bến phà Tắc Cậu), thuộc xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang – CL11	7	4,20	19,86	6,04	20,4	35,8	0,088	1,46	0,10	0,22	0,92	9500	46	Chất lượng nước tại bến phà Tắc Cậu khá ô nhiễm: ô nhiễm hữu cơ, nitrie, amôni, coliform khá cao do ảnh hưởng từ các nhà máy chế biến thủy hải sản ở khu vực xung quanh.	
12	Điểm lấy mẫu trên sông Nước Đục (tại bến phà Hòa Tiến), thuộc Xã Hòa Tiến, Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang – CL12	7,24	8,30	5,88	5,36	18,5	30,5	0,050	0,25	0,12	0,28	0,35	5400	69	Chất lượng nước trên sông Nước Đục khá tốt, đa số các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn cho phép, đảm bảo phục vụ SXNN. Cần chú ý theo dõi độ mặn để chuẩn bị cho vụ hè thu, độ mặn hiện nay khá cao hơn 4‰.	
13	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Lớn giao với kênh Năm Ngàn, thuộc xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL13	6,82	16,50	22,40	6,25	13,4	20,8	0,085	0,80	0,080	0,14	0,78	7000	61	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS. Cần chú ý xử lý nitrite trước khi cho vào các ao tôm.	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

14	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chông Mỹ, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang – CL14	7,25	30,40	109,5	5,74	12,9	23,7	0,079	0,99	0,035	0,21	2,90	8400	61	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS, cần chú ý theo dõi và xử lý các chỉ tiêu TSS, amôni, sắt tổng và coliform trước khi lấy nước cho vào các ao tôm.
15	Điểm lấy mẫu trên kênh Cùg giao với kênh KT1, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang – CL15	7,15	31,50	98,70	4,97	18,4	30,5	0,065	1,02	0,018	0,052	1,61	21000	36	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS. CLN đợt này xấu hơn các đợt trước và cần chú ý chỉ tiêu TSS, ô nhiễm hữu cơ, amôni, sắt tổng và coliform trước khi lấy nước vào các ao tôm.

[Ghi chú: các giá trị của chỉ số nào vượt ngưỡng cột B1 (QCVN 08MT:2015) và mức B (QCVN 08MT:2023) thì in đậm]

Thang đo đánh giá chất lượng nước theo WQI

Loại	Giá trị WQI	Chất lượng nước	Mức đánh giá chất lượng nước	Thang
I	91 – 100	Rất tốt	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt	
II	76 – 90	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp	

III	51 - 75	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
IV	26 - 50	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	
V	10 – 25	Ô nhiễm nặng	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	
VI	<10	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	

2. Dự báo chất lượng nước ngày 15/05÷21/05/2024

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, NH₄⁺ từ ngày 15/05/2024 đến 21/05/2024 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 15/05÷21/05/2024 dao động trong khoảng 0,00÷27,62‰, độ mặn năm nay có xu hướng cao hơn so với năm ngoái, đặc biệt là vị trí sản xuất nông nghiệp trên kênh KH5-CL7, kênh Xáng Giồng Riềng – CL10, sông Nước Đục – CL12. Độ mặn cao nhất là tại vị trí kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chống Mỹ, đây là khu vực chuyên nuôi tôm quanh năm. Với tình hình diễn biến phức tạp của độ mặn trong thời gian gần đây, công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam đã vận hành Cùm công Cái Lớn, Cái Bé, Xẻo Rô để kiểm soát mặn.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 15/05÷21/05/2024

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (mg/l)								
	15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	Max	Min
CL1	13,55	13,51	13,71	13,52	12,83	12,01	11,49	13,71	11,49
CL2	19,33	19,46	19,54	19,66	19,66	19,66	19,51	19,66	19,33
CL3	9,83	9,88	9,97	8,40	7,87	7,22	6,74	9,97	6,74
CL4	7,58	7,60	7,81	7,95	7,96	7,84	7,70	7,96	7,58
CL5	5,81	4,22	4,50	5,25	5,46	5,76	6,23	6,23	4,22
CL6	18,35	18,60	18,85	18,93	18,56	18,21	18,26	18,93	18,21
CL7	3,04	3,43	3,84	3,96	3,97	3,60	2,65	3,97	2,65
CL8	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01	0,01	0,00
CL9	0,11	0,12	0,13	0,14	0,14	0,15	0,16	0,16	0,11
CL10	0,49	0,49	0,49	0,50	0,61	0,64	0,61	0,64	0,49
CL11	7,58	7,60	7,81	7,95	7,96	7,84	7,70	7,96	7,58
CL12	6,66	6,85	6,48	6,32	5,77	5,51	5,76	6,85	5,51
CL13	9,97	10,12	10,02	10,08	10,48	10,87	10,86	10,87	9,97
CL14	27,62	27,61	27,26	26,62	25,74	25,00	24,17	27,62	24,17
CL15	24,96	19,47	19,29	18,71	18,11	17,92	18,06	24,96	17,92
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.1.1.1. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 15/05÷21/05/2024

Kí hiệu	DO dự báo (mg/l)								
	15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	Max	Min
CL1	5,23	5,26	5,23	5,08	4,88	4,77	4,48	5,26	4,48
CL2	4,64	4,56	4,49	4,51	4,63	4,81	4,93	4,93	4,49
CL3	5,67	5,68	5,64	5,60	5,61	5,59	5,58	5,68	5,58
CL4	5,33	5,30	5,24	5,18	5,14	5,09	4,96	5,33	4,96

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

CL5	4,30	4,45	4,63	4,83	4,94	4,94	4,86	4,94	4,30
CL6	5,01	5,03	5,09	5,18	5,17	5,00	4,78	5,18	4,78
CL7	4,83	4,75	4,67	4,62	4,59	4,46	4,53	4,83	4,46
CL8	4,38	4,37	4,37	4,38	4,39	4,31	4,20	4,39	4,20
CL9	5,26	5,34	5,35	5,10	4,68	4,47	4,33	5,35	4,33
CL10	4,92	4,94	4,97	5,03	5,05	5,05	5,07	5,07	4,92
CL11	5,74	5,68	5,63	5,53	5,50	5,56	5,64	5,74	5,50
CL12	5,62	5,63	5,62	5,59	5,59	5,56	5,50	5,63	5,50
CL13	5,25	5,24	5,27	5,30	5,30	5,30	5,35	5,35	5,24
CL14	5,79	5,77	5,77	5,76	5,75	5,75	5,77	5,79	5,75
CL15	4,84	4,77	4,73	4,65	4,53	4,43	4,41	4,84	4,41
QCVN 08 (Cột A1)	>=6								
QCVN 08 (Cột B1)	>=4								
Vượt cột B1	<4								

Hàm lượng DO dự báo có xu hướng tốt hơn so với vào tháng 3, tháng 4, dao động từ 4,20÷5,79 mg/l, nhiều vị trí đều đạt QCVN, đảm bảo cho bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS.

2.1.1.2. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo dao động từ 8,21÷20,03 mg/l, cho thấy chất lượng nước trong hệ thống đang bị ô nhiễm hữu cơ vượt quá khả năng làm sạch của nguồn nước. Vị trí sông Cái Bé giao với kênh Ô Môn-CL8, kênh Chung Bàu-CL9, sông Cái Bé tại bến phà Tắc Cậu-CL11, sông Nước Đục-CL12 khá ô nhiễm hữu cơ nên cần hạn chế lấy nước cấp cho sinh hoạt và các loại rau ăn sống. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống đảm bảo cơ bản cho mục đích bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 15/05÷21/05/2024

Kí hiệu	BOD ₅ dự báo (mg/l)								
	15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	Max	Min
CL1	9,19	9,15	9,25	9,37	9,52	9,67	9,78	9,78	9,15
CL2	9,37	9,13	8,96	8,93	9,02	9,18	9,38	9,38	8,93
CL3	10,73	10,59	10,58	10,64	10,73	10,83	10,98	10,98	10,58
CL4	10,72	10,60	10,42	10,29	10,30	10,45	10,69	10,72	10,29
CL5	8,72	8,66	8,54	8,44	8,34	8,26	8,21	8,72	8,21
CL6	11,61	11,49	11,34	11,20	11,08	11,01	10,91	11,61	10,91
CL7	11,49	11,40	11,29	11,19	11,13	11,09	11,07	11,49	11,07
CL8	13,54	13,39	10,11	10,09	10,10	10,13	10,18	13,54	10,09
CL9	13,75	13,37	13,01	12,60	12,16	11,70	11,30	13,75	11,30
CL10	9,62	9,59	9,55	9,52	9,68	10,70	11,53	11,53	9,52
CL11	19,89	20,03	19,30	18,92	18,73	18,65	18,59	20,03	18,59
CL12	15,77	15,01	14,44	14,21	14,17	14,29	14,24	15,77	14,17
CL13	11,32	11,34	11,33	11,59	12,50	14,00	14,73	14,73	11,32
CL14	10,31	10,32	10,20	10,00	9,78	9,58	9,43	10,32	9,43

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

CL15	16,61	16,55	16,51	16,89	17,20	16,33	14,92	17,20	14,92
QCVN 08 (Cột A1)	4								
QCVN 08 (Cột B1)	15								
Vượt cột B1	>15								

2.1.1.3. Amoni (NH₄⁺)

Giá trị NH₄⁺_N dự báo dao động từ 0,18÷2,02 mg/l, nhiều vị trí vượt cột B1 (vị trí CL3, CL4, CL8, CL9, CL10, CL11, CL15), các vị trí còn lại dao động trong khoảng giữa cột A1 và B1, cho thấy chất lượng nước đợt này có xu hướng bị ô nhiễm dinh dưỡng ở mức trung bình nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý trước khi lấy nước vào các ao tôm.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 15/05÷21/05/2024

Kí hiệu	Amôni dự báo (mg/l)								
	15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	Max	Min
CL1	0,28	0,30	0,31	0,32	0,31	0,30	0,36	0,36	0,28
CL2	0,35	0,33	0,27	0,19	0,18	0,18	0,19	0,35	0,18
CL3	1,11	1,11	1,12	1,13	1,13	1,47	1,66	1,66	1,11
CL4	1,71	1,63	1,76	2,02	2,02	1,87	1,82	2,02	1,63
CL5	0,54	0,56	0,59	0,60	0,59	0,58	0,57	0,60	0,54
CL6	0,86	0,86	0,85	0,84	0,82	0,83	0,84	0,86	0,82
CL7	0,72	0,74	0,76	0,80	0,83	0,85	0,85	0,85	0,72
CL8	0,92	0,92	0,91	0,90	0,91	0,91	0,91	0,92	0,90
CL9	1,04	1,10	1,17	1,26	1,30	1,34	1,35	1,35	1,04
CL10	1,14	1,11	1,11	1,13	1,17	1,19	1,27	1,27	1,11
CL11	0,89	0,89	0,93	1,05	1,13	1,09	1,09	1,13	0,89
CL12	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20
CL13	0,70	0,65	0,61	0,57	0,50	0,44	0,45	0,70	0,44
CL14	0,61	0,60	0,59	0,57	0,56	0,56	0,57	0,61	0,56
CL15	0,89	0,90	0,91	0,91	0,90	0,90	0,90	0,91	0,89
QCVN 08 (Cột A1)	0,3								
QCVN 08 (Cột B1)	0,9								
Vượt cột B1	>0,9								

Kết luận chung:

- Độ mặn trong tháng 5 có xu hướng giảm hơn tháng 4, hiện nay trong vùng đã có mưa, kết hợp với đóng cống CLCB để kiểm soát độ mặn. Vị trí CL12 - sông nước Đục - Hậu Giang độ mặn đã giảm. Trong thời gian tới độ mặn dự báo có xu hướng vẫn còn diễn biến phức tạp nên người dân cần chú ý theo dõi độ mặn để có chế độ lấy nước cho phù hợp.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

- Kết quả dự báo DO tương đối tốt đảm bảo cho NTTS, dự báo amôni và BOD₅ phản ảnh được xu thế ô nhiễm dinh dưỡng và hữu cơ trong hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé, đặc biệt là vị trí trên kênh Ô Môn ô, kênh Chung Bàu, sông Cái Bé tại bến phà Tác Cậu ô nhiễm khá cao vượt quy chuẩn. Do các kênh này tập trung đông người dân sống dọc kênh, chăn nuôi và xả nước thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng 1 phần từ các nhà máy chế biến thủy hải sản trong khu vực, nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý kịp thời. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống cơ bản vẫn đáp ứng cho mục đích NTTS và SXNN.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

